

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 278/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Khánh T, sinh năm 1989;

- Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988;

Cùng HKTT: 176 ấp A, xã S, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Khánh T và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu nhau, đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/02/2009, số 16/2009, quyển số I. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T và bà N sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có nhiều khác biệt trong suy nghĩ, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hiện mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Trần Khánh T và bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông Trần Khánh T và bà Nguyễn Thị Kim N có 02 người con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 21/9/2009 và

Trần Khánh H, sinh ngày 04/01/2015. Ông T và bà N thống nhất như sau: Sau khi ly hôn, bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Trần Khánh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 6/2020.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và thống nhất không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung là hoàn T tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Trần Khánh T và bà Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 21/9/2009 và Trần Khánh H, sinh ngày 04/01/2015.

- Về cấp dưỡng: Ông Trần Khánh T có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng số tiền 1.500.000 đồng/con cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2020.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trần Khánh T và bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0046338 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND Ủy ban nhân dân xã S, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương (GCN kết hôn số 16/2009, quyền số I ngày 18/02/2009);
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Hồ Thanh Thủy